

# Làng Cầu Đor: Từ tỉnh lỵ Hà Nội đến thủ phủ của tỉnh Cầu Đor và tỉnh Hà Đông

Nguyễn Hữu Sơn\*

**Tóm tắt:** Năm 1831, nhà Nguyễn thành lập tỉnh Hà Nội, đặt trụ sở tỉnh tại thành Thăng Long. Năm 1888, Pháp tách một phần tỉnh Hà Nội để lập thành phố Hà Nội. Vì vậy, tỉnh lỵ Hà Nội được di dời về làng Cầu Đor, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hòa. Cũng vì thế, tên tỉnh Hà Nội được đổi thành tỉnh Cầu Đor (1902), rồi tỉnh Hà Đông (1904). Sau khi thành tỉnh lỵ, vùng đất Cầu Đor được người Pháp xây dựng theo mô hình thành phố Hà Nội thu nhỏ, mà khi đó Hà Nội đang được kiến thiết theo kiểu đô thị phương Tây. Sau 112 năm (1896-2008) giữ vai trò tỉnh lỵ, vùng Cầu Đor từ đô thị loại III trở thành một phần của đô thị đặc biệt.

*Từ khóa:* làng Cầu Đor; tỉnh Cầu Đor; tỉnh Hà Đông; Tòa Công sứ tỉnh Hà Nội.

*Ngày nhận 13/6/2023; ngày chỉnh sửa 14/9/2023; ngày chấp nhận đăng 30/12/2023*

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxhvnv9.6.NguyenHuuSon>

## 1. Đặt vấn đề

Năm 1888, nhà Nguyễn nhượng một phần huyện Thọ Xương và huyện Vĩnh Thuận thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội cho Pháp lập thành phố Hà Nội. Từ đây, yêu cầu cấp thiết khách quan đặt ra đối với chính quyền thuộc địa là di dời Tòa Công sứ tỉnh Hà Nội ra khỏi huyện Thọ Xương. Việc tìm nơi mới để đặt tỉnh lỵ Hà Nội không dễ dàng. Năm 1896, Toàn quyền Đông Dương chọn làng Cầu Đor, xã Thanh Oai Thượng, tổng Thanh Oai Thượng, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hòa để đặt Tòa Công sứ Hà Nội. Tên tỉnh Hà Nội được đổi thành tỉnh Cầu Đor (1902), rồi tỉnh Hà Đông (1904). Từ khi là tỉnh lỵ, vùng đất Cầu Đor - Hà Đông từng bước được xây dựng thành đô thị hiện đại, đáp ứng được vai trò tỉnh lỵ mà chính quyền đương thời đặt ra; đồng thời tạo nên những

chuyển biến toàn diện và đồng bộ trong đời sống nhân dân địa phương. Nghiên cứu quá trình hình thành tỉnh lỵ Cầu Đor - Hà Đông để thấy đây là quyết định đúng đắn, sáng tạo của chính quyền thuộc địa lúc bấy giờ.

## 2. Đôi nét địa giới hành chính tỉnh Hà Nội

Năm 1831 và năm 1832, vua Minh Mạng cải cách hành chính địa phương, xóa bỏ các tổng trấn, đổi các dinh và trấn thành tỉnh, chia cả nước thành 31 tỉnh và một phủ Thừa Thiên, trong đó có tỉnh Hà Nội. Tỉnh Hà Nội lấy khu vực kinh thành Thăng Long xưa (huyện Thọ Xương và huyện Vĩnh Thuận) làm tỉnh lỵ, lấy trấn thành Thăng Long làm tỉnh thành. Tổng đốc Hà - Ninh kiêm nhiệm hai tỉnh Hà Nội và Ninh Bình (Quốc sử quán triều Nguyễn 2022: 226-229, 231). Tỉnh Hà Nội năm 1831 có 4 phủ, 15 huyện. Cụ thể, phủ Hoài Đức ở phía Tây tỉnh thành bảy dặm, gồm huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận

\* Trường THPT Chuyên Nguyễn Huệ Hà Nội;  
email: sonanhien@gmail.com

và Từ Liêm. Phủ Thường Tín ở phía Nam tỉnh thành 24 dặm, gồm huyện Thượng Phúc, Thanh Trì và Phú Xuyên. Phủ Ứng Hòa ở phía Tây Nam tỉnh thành 56 dặm, gồm huyện Sơn Minh, Hoài An, Chương Đức và Thanh Oai. Phủ Lý Nhân ở phía Đông Nam tỉnh thành 90 dặm, gồm huyện Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm, Nam Xương và Bình Lục (Quốc sử quán triều Nguyễn 2022: 229).

Địa giới tỉnh Hà Nội "từ phía Đông sang phía Tây cách nhau 25 dặm, từ phía Nam đến phía Bắc cách nhau 129 dặm. Phía Đông đến sông Nhị Hà, đối ngạn là địa giới huyện Gia Lâm thuộc tỉnh Bắc Ninh 1 dặm; phía Tây đến địa giới huyện Đan Phượng thuộc tỉnh Sơn Tây 24 dặm; phía Nam đến sông Thanh Quyết, đối ngạn là địa giới huyện Gia Viễn thuộc tỉnh Ninh Bình 121 dặm; phía Bắc đến sông Nhị Hà, đối ngạn là địa giới huyện Gia Lâm thuộc tỉnh Bắc Ninh 8 dặm; phía Đông Nam đến địa giới huyện Gia Viễn thuộc tỉnh Ninh Bình 130 dặm; phía Tây Nam đến địa giới huyện Mỹ Lương thuộc tỉnh Sơn Tây 66 dặm; phía Đông Bắc đến sông Nhị Hà, đối ngạn là địa giới huyện Đông Ngàn thuộc tỉnh Bắc Ninh 3 dặm; phía Tây Bắc đến sông Nhị Hà, đối ngạn là địa giới huyện Yên Lãng thuộc tỉnh Sơn Tây 14 dặm. Từ tỉnh thành đi theo hướng Nam tới Kinh đô (Huế) 1104 dặm" (Quốc sử quán triều Nguyễn 2012: 1059). Như vậy, địa giới tỉnh Hà Nội nằm trong vùng đất giữa sông Nhị Hà (sông Hồng) đến sông Hát (sông Đáy). Vì thế, nhà Nguyễn đặt tên vùng đất này là tỉnh Hà Nội (trong sông).

Ngày 20-11-1873, thực dân Pháp tấn công thành Hà Nội lần thứ nhất. Quân nhà Nguyễn bại trận. Ngày 15-3-1874, triều đình Huế kí với Pháp Hoà ước Giáp Tuất, cắt cho Pháp khu đất ở Đồn Thủy, giáp Đông Nam thành Hà Nội ra tới bờ sông Hồng, rộng 2,5ha, làm Khu nhượng địa để đặt Tòa Lãnh sự, có 100 quân thường trú (Võ Kim Cương

chủ biên 2017: 177). Ngày 31-8-1875, Tổng đốc Hà - Ninh Trần Đình Túc ký hiệp định với Lãnh sự Pháp De Kergaradec, mở rộng Khu nhượng địa thêm 15,5ha, nâng tổng diện tích Khu nhượng địa lên 18ha, tương đương với khu vực hiện nay được giới hạn bởi các phố Bạch Đằng, Tràng Tiền, Lê Thánh Tông, Trần Nhân Tông và Nguyễn Huy Tự (Trần Hùng và cộng sự 2004: 283). Địa giới hành chính tỉnh Hà Nội bị thu hẹp một phần ở phía Đông.

Tháng 11 năm 1880, vua Tự Đức gộp huyện Hoài An và huyện Chương Đức của tỉnh Hà Nội với huyện Mỹ Lương của tỉnh Sơn Tây để thành lập đạo Mỹ Đức, đứng đầu là một Chánh quản đạo, trực thuộc tỉnh Hà Nội (Quốc sử quán triều Nguyễn 1976: 397). Ba huyện này cùng địa hình bán sơn địa, gắn bó với nhau về an ninh, kinh tế và xã hội (Ban Thường vụ huyện ủy Chương Mỹ 2003: 41). Sáp nhập huyện Mỹ Lương, địa giới hành chính tỉnh Hà Nội được mở rộng về phía Tây.

Ngày 25-4-1882, Pháp đánh chiếm tỉnh thành Hà Nội lần thứ hai. Ngày 4-8-1883, chính phủ Pháp có nghị định bổ nhiệm Bonnal làm Công sứ Hà Nội để kiểm soát công việc cai trị An Nam (Rouan 1925: 11). Ngày 25-8-1883, triều đình Huế kí Hiệp ước Hác măng, công nhận Pháp có quyền đặt Công sứ ở Hà Nội (Võ Kim Cương chủ biên 2017: 211). Để tiện đàn áp cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật, tháng 2 năm 1887, Pháp sáp nhập bộ máy cai trị của tỉnh Hưng Yên vào tỉnh Hà Nội, đặt dưới quyền kiểm soát của Công sứ Hà Nội. Viên Tổng đốc cai quản hai tỉnh Hà Nội và Hưng Yên được gọi là Tổng đốc Hà - Yên (Hà - An). Tổng đốc Hà Nội không kiêm quản tỉnh Ninh Bình nữa. Tỉnh Ninh Bình được giao cho tổng đốc tỉnh Nam Định kiêm quản và gọi là tổng đốc Định - Ninh (Vũ Văn Quân 2007: 236).

Ngày 6-6-1884, triều đình Huế ký Hiệp ước Patơnot, đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu

cho quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam. Ngày 17-10-1887, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh thành lập Liên bang Đông Dương, đặt trị sở tại Sài Gòn (1887-1901). Pháp mong muốn phát triển Khu nhượng địa tại Hà Nội lên thành phố cấp I để đặt cơ quan đại diện tại Bắc Kỳ. Ngày 8-4-1888, Pháp chia hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận thành 6 khu (từ số 1 đến số 6), mỗi khu đặt các Chánh, Phó Thiên hộ để quản lý. Ngày 17-5-1888, Pháp đổi 6 khu thành 6 hộ. Sự cắt đặt này không theo lệ Việt chia thành tổng mà theo kiểu Pháp chia thành khu - hộ phố, chuẩn bị cho việc Pháp mở rộng Khu nhượng địa của mình ở Hà Nội lên thành phố cấp I (Vũ Văn Quân 2007: 237).

Ngày 19-7-1888, Toàn quyền Đông Dương Étienne Richaud ký Sắc lệnh lập thành phố Hà Nội trên cơ sở mở rộng Khu nhượng địa ra toàn bộ huyện Thọ Xương và một phần huyện Vĩnh Thuận. Đây là thành phố cấp I để tiến tới đặt thủ phủ Liên bang Đông Dương. Tháng 9 năm 1888, Thống sứ Bắc Kỳ cho lập một bản đồ vẽ tay chỉ giới thành phố Hà Nội. Theo đó, ranh giới thành phố Hà Nội về phía Đông là bờ sông Hồng, phía Tây giáp với tỉnh thành Hà Nội và Văn Miếu, phía Nam đến hết Khu nhượng địa (nay là phố Nguyễn Huy Tự), phía Bắc giáp với hồ Trúc Bạch. Thành phố Hà Nội có diện tích 945ha và dân số khoảng 100.000 người. Ngày 1-10-1888, vua Đồng Khánh ký chỉ dụ cắt toàn bộ huyện Thọ Xương và một phần huyện Vĩnh Thuận của phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội làm nhượng địa cho Pháp lập thành phố Hà Nội. Từ đây, Việt Nam chính thức vừa có tỉnh Hà Nội, vừa có thành phố Hà Nội. Hai đơn vị hành chính cùng cấp và cùng tên gọi là điều chưa từng thấy trong lịch sử hành chính Việt Nam.

Cùng thời gian này, nhà Nguyễn sáp nhập huyện Đan Phượng của phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây vào phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội. Như thế, địa giới hành chính tỉnh Hà

Nội bị thu hẹp ở phía Đông, nhưng mở rộng ở phía Tây.

### 3. Người Pháp đặt tỉnh lỵ Hà Nội ở làng Cầu Đơ

#### 3.1. Bối cảnh lịch sử

Sau năm 1888, Khu nhượng địa Hà Nội nhanh chóng được chính quyền thực dân xây dựng thành đô thị loại I theo mô hình thành phố thu nhỏ kiểu phương Tây. Pháp mong muốn, thành phố Hà Nội sẽ phục vụ cho sự cai trị lâu dài và quảng bá văn minh Pháp ở Đông Dương. Trong khi đó, nhà Nguyễn di dời phủ lỵ Hoài Đức từ huyện Thọ Xương ra huyện Từ Liêm và cân nhắc nên đặt trị sở tỉnh Hà Nội ở một trong 4 phủ lỵ: Hoài Đức, Thường Tín, Ứng Hòa và Lý Nhân. Trong 4 phủ lỵ trên, phủ Lý Nhân tiện đường liên hệ với kinh đô Huế hơn cả.

Ngày 29-7-1888, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định di dời Tòa Công sứ Hà Nội về Phủ Lý thuộc phủ Lý Nhân. Vị trí này nằm bên bờ sông Đáy, nơi giao với sông Châu Giang và sông Nhuệ, trên đường thiên lý (nay là Quốc lộ 1A) từ tỉnh thành Thăng Long xưa vào kinh đô Huế, cách trung tâm thành phố Hà Nội 60km về phía Nam. Tuy nhiên, do thi hành thấy không tiện, nên ngày 6-7-1889, Toàn quyền Đông Dương bãi bỏ nghị định trên (Rouan 1925: 11). Trụ sở tỉnh Hà Nội vẫn ở thành Hà Nội.

Trong khi đó, với chính sách "chia để trị", thực dân Pháp tách - nhập một số đơn vị hành chính để lập tỉnh mới. Ngày 21-3-1890, Toàn quyền Đông Dương Piquet ra nghị định tách một số vùng của tỉnh Nam Định và tỉnh Hưng Yên để hợp thành tỉnh Thái Bình; tách huyện Nam Xương, Bình Lục và Thanh Liêm của phủ Lý Nhân, tỉnh

Hà Nội để nhập vào tỉnh Nam Định (Rouan 1925: 12).

Ngày 20-10-1890, Toàn quyền Đông Dương Piquet ra nghị định tách tổng Mộc Hoàn và tổng Chuyên Nghiệp của huyện Phú Xuyên, phủ Thường Tín nhập vào huyện Duy Tiên, phủ Lý Nhân; đồng thời hợp nhất vùng còn lại của phủ Lý Nhân (huyện Kim Bảng và huyện Duy Tiên), tỉnh Hà Nội với một số vùng của tỉnh Nam Định để thành tỉnh Hà Nam, đặt tỉnh lỵ tại Phủ Lý (Rouan 1925: 12). Tỉnh Hà Nội bị thu hẹp địa giới hành chính ở phía Nam, và chỉ còn 3 phủ (Hoài Đức, Ứng Hòa, Thường Tín), gồm 10 huyện (Từ Liêm, Đan Phượng, Chương Đức, Mỹ Lương, Hoài An, Sơn Minh, Thanh Oai, Thượng Phúc, Thường Tín, Phú Xuyên). Thủ phủ của tỉnh Hà Nội vẫn đặt tại thành Hà Nội.

Để thuận tiện cho quản lý hành chính, các đời Công sứ thành phố Hà Nội và Tổng đốc tỉnh Hà Nội đã nhiều lần đề nghị lên Toàn quyền Đông Dương chuyển trụ sở của tỉnh Hà Nội ra ngoài thành Hà Nội. Hội đồng bảo hộ thấy việc di dời là hợp lý nhằm giữ vững lâu dài lợi ích của Pháp ở thành phố Hà Nội (Công ty Văn hóa trí tuệ Việt 2007: 9).

### **3.2. Di dời trụ sở tỉnh Hà Nội về làng Cầu Đơ**

Chính quyền thuộc địa và nhà Nguyễn xem xét việc tìm nơi mới để đặt tỉnh lỵ cho Hà Nội. Ngày 26-12-1896, Toàn quyền Đông Dương Armand Rousseau ra nghị định chuyển Tòa công sứ tỉnh Hà Nội từ thành Hà Nội về làng Cầu Đơ, xã Thanh Oai Thượng, tổng Thanh Oai Thượng, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hòa; đồng thời lập thị trấn Cầu Đơ làm tỉnh lỵ. Đây là quyết định lịch sử để hình thành tỉnh lỵ mới của tỉnh Hà Nội.

Làng Cầu Đơ, còn gọi là làng Đơ, nằm giáp bờ hữu sông Nhuệ, có cầu bắc qua sông, có đường cái quan (Quốc lộ 6) chạy qua. Địa giới hành chính làng Cầu Đơ phía Đông giáp bờ hữu sông Nhuệ, đối ngạn là làng Mộ Lao và làng Văn Quán; phía Tây giáp cánh đồng làng La Khê và làng Phú La; phía Nam giáp cánh đồng làng Hà Trì và làng Đa Sỹ; phía Bắc giáp ngòi nước nổi sông Nhuệ với sông Đáy, đối ngạn là làng Vạn Phúc.

Làng Cầu Đơ được chọn làm nơi đặt trụ sở tỉnh Hà Nội vì mấy lý do sau:

Một là, làng Cầu Đơ nằm giữa ba phủ lỵ của tỉnh Hà Nội. Phủ lỵ Hoài Đức đặt tại làng Dịch Vọng, huyện Từ Liêm. Phủ lỵ Ứng Hòa đặt tại làng Văn Đình, huyện Ứng Hòa. Phủ lỵ Thường Tín đặt tại làng Hà Hồi, huyện Thường Tín. Theo thông lệ từ trước, tỉnh lỵ của bất cứ tỉnh nào cũng được đặt ở phủ lỵ của một phủ nào đó trong tỉnh. Tuy nhiên, người Pháp đã không làm theo lệ đó trong việc chọn nơi mới đặt tỉnh lỵ Hà Nội. Nơi đó không phải phủ lỵ, thậm chí không phải huyện lỵ. Người Pháp chọn làng Cầu Đơ làm tỉnh lỵ Hà Nội vì đây là trung điểm kết nối ba phủ lỵ trên. Không những thế, làng Cầu Đơ còn là trung điểm giữa đường biên Đông - Tây và đường biên Bắc - Nam của tỉnh Hà Nội. Đặt tỉnh lỵ Hà Nội ở làng Cầu Đơ không chỉ tiện cho công chức, viên chức hàng tỉnh đi lại quản lý hành chính các phủ, huyện mà còn tiện cho quan lại và dân chúng từ các phủ, huyện giao dịch với tỉnh lỵ.

Hai là, làng Cầu Đơ nằm trên tuyến đường giao thông thủy và bộ thuận tiện. Đường thủy là sông Nhuệ (phụ lưu của sông Đáy), từ Cầu Đơ đi về phía Bắc kết nối với sông Hồng ở địa phận huyện Từ Liêm; đi về phía Nam kết nối với sông Đáy, sông Châu Giang và sông Hồng ở địa phận tỉnh Hà Nam. Đường bộ từ Cầu Đơ đi về phía Đông kết nối với thành phố Hà Nội, đi về phía Tây

kết nối với các tỉnh Tây Bắc. Từ trung tâm thành phố Hà Nội có ba đường cái quan đi về phía Tây, kết nối với tỉnh Hà Nội và các tỉnh khác, tạo nên hình dải quạt. Đó là Quốc lộ 1, 6 và 32. Quốc lộ 1 đi qua phủ lý Thường Tín để vào kinh đô Huế. Quốc lộ 32 đi qua phủ lý Hoài Đức để lên tỉnh Sơn Tây. Quốc lộ 6 đi qua làng Cầu Đơ để lên các tỉnh Tây Bắc. Tại làng Cầu Đơ có đường nhỏ (Quốc lộ 70), kết nối với Quốc lộ 32 ở phía Bắc và Quốc lộ 1 ở phía Nam. Bên cạnh đó, từ làng Cầu Đơ theo Quốc lộ 6 khoảng 3km về phía Tây đến Ba La gặp đường nhỏ (Quốc lộ 21B) kết nối với phủ lý Ứng Hòa và các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. Giao thông thủy và bộ thuận tiện là cơ sở quan trọng để người Pháp chọn làng Cầu Đơ đặt tỉnh lỵ Hà Nội.

Ba là, làng Cầu Đơ là vùng đất cao ráo, dễ thoát nước và không ngập úng. Theo thần phả bà Lã Thị Nga, tổ nghề dệt ở Vạn Phúc (Hà Đông), làng Cầu Đơ nằm ở vị trí đầu của con rồng trắng (Công ty Văn hóa trí tuệ Việt 2007: 15). Theo khảo sát của các nhà khoa học, quận Hà Đông hiện nay có địa thế cao từ 3m đến 6m so với mực nước biển, trong đó khu vực trung tâm (làng Cầu Đơ cũ) có địa thế cao nhất (Phòng Thống kê thị xã Hà Đông 1995: 3). Theo người dân làng Cầu Đơ kể lại, mùa bão năm 1945 có mưa lớn, đê Đông Lao, tức đê sông Đáy thuộc huyện Hoài Đức, bị vỡ, nước tràn vào các vùng xung quanh, nhưng trung tâm tỉnh lỵ Hà Đông (làng Cầu Đơ cũ) vẫn không bị ngập lụt, người dân vẫn có thể ra vào để tổ chức mít tinh và khởi nghĩa giành chính quyền ngày 23-8-1945. Tiếp đó, ngày 5 và 6-11-1984, ở đồng bằng Bắc Bộ có trận mưa lớn, đạt hơn 200mm nước, nhiều nơi ngập úng, nhưng ở trung tâm tỉnh lỵ Hà Sơn Bình (làng Cầu Đơ cũ), mưa xong buổi sáng thì buổi chiều thoát hết nước (Công ty Văn hóa trí tuệ Việt 2007: 20). Trận mưa từ đêm 30 tháng 10 đến chiều ngày 1-11-2008 ở Hà

Đông đạt 492mm, vượt kỷ lục năm 1978 là 318mm, hầu hết các vùng ở Hà Đông ngập úng, riêng vùng đất thuộc làng Cầu Đơ cũ không bị ngập<sup>1</sup>. Điều đó chứng tỏ vị trí đặc địa của làng Cầu Đơ đã được thời gian kiểm chứng, người dân không bị khổ về nạn ngập lụt, xứng đáng để đặt tỉnh lỵ Hà Nội.

Bốn là, làng Cầu Đơ và các làng xung quanh có điều kiện phát triển kinh tế toàn diện. Về nông nghiệp, đây là vùng có thổ nhưỡng đồng bằng sông Hồng và nguồn nước sông Nhuệ dồi dào nên thuận lợi cho phát triển trồng lúa nước. Về thủ công nghiệp, phía Bắc làng Cầu Đơ giáp làng Vạn Phúc có nghề dệt lụa truyền thống; phía Tây làng Cầu Đơ giáp làng La Khê và Phú La có nghề dệt the lụa lâu đời; phía Nam làng Cầu Đơ gần làng rền Đa Sỹ có nghề; phía Đông làng Cầu Đơ giáp với làng Triều Khúc có nghề dệt thao truyền thống. Về thương nghiệp, làng Cầu Đơ có chợ ở phía Nam, sát bờ sông Nhuệ, họp theo phiên vào ngày 5, 10, 15, 20, 25 và 30 âm lịch, giao thương với các vùng lân cận, hàng hóa phong phú, đa dạng, nhỏ là cái kim sợi chỉ, lớn là trâu bò. Có thể nói, làng Cầu Đơ cùng với các làng liền kề tạo nên khu vực kinh tế vừa có nông nghiệp vừa có thủ công nghiệp và thương nghiệp, trong đó làng Cầu Đơ có chợ họp theo phiên là điều kiện thuận lợi để chuyển lên thị thành.

Năm là, cư dân làng Cầu Đơ và các làng xung quanh rất đông đúc, là người dân tộc Kinh, có phong tục thuần hậu, chất phác, có tinh thần lao động cần cù làm cho quê hương ngày càng giàu đẹp. Dân gian có câu ca dao: *"Một vùng như gấm như hoa/ Nhìn vào quê lụa, nhìn ra kinh kỳ"*. Một số làng có truyền thống hiếu học, nhiều người đỗ đạt cao như, làng Đa Sỹ (11 tiến sĩ Hán học), làng La Khê (9 tiến sĩ Hán học), v.v.. Dân

<sup>1</sup> Tác giả bài viết này là người sống trực tiếp tại Hà Đông và chứng kiến.

làng La Khê từ xưa vẫn tự hào rằng, "văn có tiến sĩ, võ có quận công", "traai làng là lang trung, gái làng là thứ phi". Trong cuộc cải lương hương chính năm 1920-1921, làng Vạn Phúc và làng Hà Trì được vua tặng danh hiệu "mỹ tục khả phong" (Quận ủy Hà Đông 2020: 92, 237). Môi trường văn hóa, xã hội nêu trên là một lợi thế để đặt tỉnh lỵ ở vùng Cầu Đơ. Tóm lại, những lý do trên cho thấy làng Cầu Đơ có đủ thiên thời, địa lợi và nhân hòa để đặt Tòa Công sứ Hà Nội. Hay nói cách khác, chọn làng Cầu Đơ đặt tỉnh lỵ Hà Nội là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với hiện thực khách quan.

Thực hiện nghị định năm 1896 của Toàn quyền Đông Dương Armand Rousseau, người dân làng Cầu Đơ di dời nơi ở, đình, chùa và miếu từ bờ hữu sông Nhuệ, liên kê chân cầu bắc qua sông Nhuệ, giáp bên phải đường cái quan theo chiều từ thành phố Hà Nội vào làng Cầu Đơ, về phía Tây 1km, giáp bên trái đường này (Công ty Văn hóa trí tuệ Việt 2007: 10) để nhường đất cho người Pháp xây dựng trụ sở tỉnh Hà Nội, trong đó quan trọng nhất là Tòa Công sứ. Sau hơn 2 năm xây dựng, đến tháng 5 năm 1899, trụ sở Tòa Công sứ được hoàn thành. Ngày 21-5-1899, Tòa Công sứ tỉnh Hà Nội chính thức được di dời về làng Cầu Đơ, đánh dấu hoàn tất việc thành lập trụ sở mới của tỉnh Hà Nội<sup>2</sup>.

Một thực tế đặt ra là, không thể để hai đơn vị hành chính trực thuộc trung ương cùng mang tên Hà Nội. Vì thế, tỉnh Hà Nội phải đổi sang tên mới. Theo lệ của người Pháp, tên tỉnh phải phản ánh được địa danh đặt trụ sở tỉnh. Ngày 3-5-1902, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra nghị định đổi tên tỉnh Hà Nội thành tỉnh Cầu Đơ (Rouan 1925: 10-11).

<sup>2</sup> Đầu năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân Hà Đông đã phá hủy hoàn toàn trụ sở này. Ngày nay, nền đất trụ sở này được xây dựng Ủy ban Nhân dân phường Yết Kiêu, quận Hà Đông.

#### 4. Đổi tên tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông

Sau khi đổi tên tỉnh Hà Nội thành tỉnh Cầu Đơ (1902), dư luận khi đó cho rằng, tên Cầu Đơ là chữ Nôm<sup>3</sup>, không phải là chữ Hán, nên không đáng được làm tên tỉnh. Trong lịch sử hành chính Việt Nam, địa danh thuần Việt của một làng quê được dùng để đặt tên cho một tỉnh là điều hiếm thấy. Nhìn lại cuộc cải cách hành chính địa phương của vua Minh Mạng năm 1831-1832, ta thấy, tất cả 31 tỉnh được thành lập đều có tên chữ Hán.

Đổi tên tỉnh Hà Nội thành tỉnh Cầu Đơ, từ tên chữ Hán sang tên chữ Nôm, là việc khác thường, nhất là trong hoàn cảnh tỉnh lỵ Cầu Đơ nằm sát vùng đất Thăng Long nghìn năm văn hiến, có trung tâm Nho học Văn Miếu - Quốc Tử Giám quan trọng bậc nhất Việt Nam. Tuy nhiên, người Pháp cho rằng, đặt trụ sở tỉnh ở địa phương nào thì tỉnh mang tên địa phương đó, bất kể là tên chữ Nôm hay tên chữ Hán<sup>4</sup>.

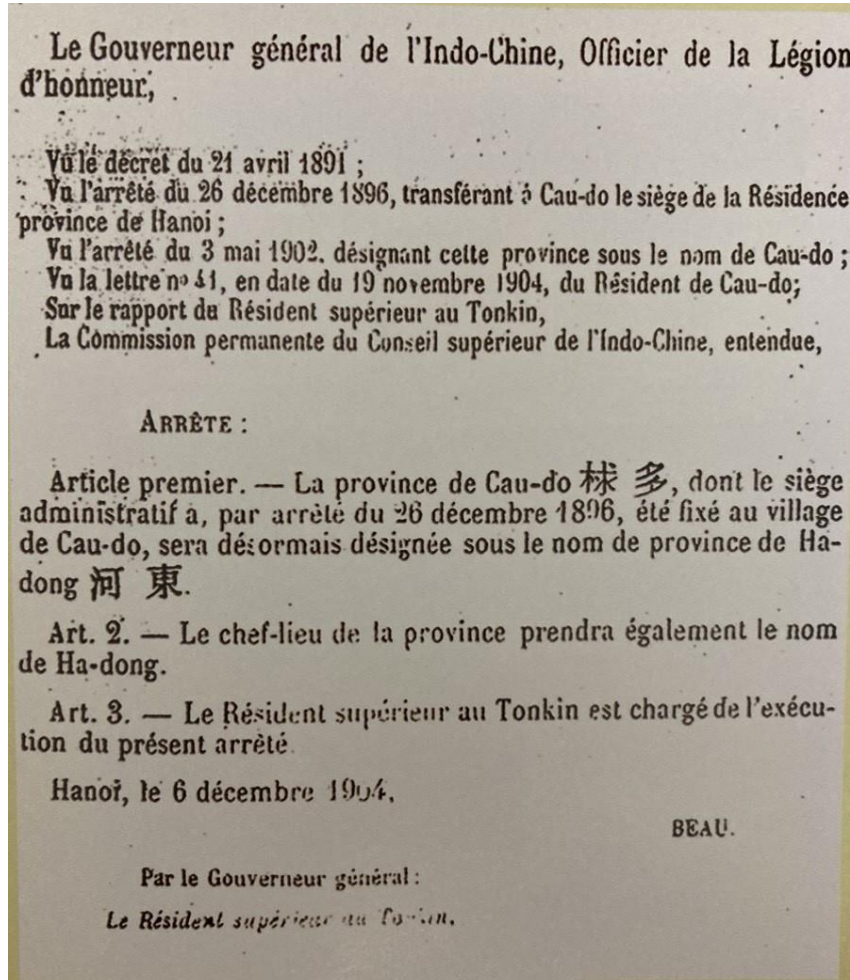
Theo thần phả làng Cầu Đơ, xưa kia làng Cầu Đơ có tên là làng Cầu Đa. Đến cuối thế kỉ XVII, tên Cầu Đa được đổi thành Cầu Đơ (Quận ủy Hà Đông 2020: 91). Một số làng gần với làng Cầu Đơ được gọi chung là Kẻ Đơ. Ví dụ như Đơ Thao là làng Triều Khúc, có nghề dệt quai thao (quai nón); Đơ Bùi là làng Yên Xá, trồng được giống khoai lang ăn rất bùi; Đơ Cầu là làng Cầu Đơ, có cầu bắc qua sông Nhuệ. Dân gian có câu: *Khoai*

<sup>3</sup> Trong nghị định ngày 6-12-1904 của Toàn quyền Đông Dương Paul Beau có ghi tên tỉnh Cầu Đơ bằng chữ Nôm là 棊多. Chữ 棊 là "cầu" (cây cầu); chữ 多 là "đa" (cây đa), "đi" (đi đứng), "đơ" (cứng đơ).

<sup>4</sup> Trước đó, năm 1886, Pháp tách một phần tỉnh Sơn Tây và một phần tỉnh Hưng Hóa để lập tỉnh mới, gồm chủ yếu là người dân tộc Mường, đóng trụ sở tỉnh ở Chợ Bờ, nên tên tỉnh mới có tên là Chợ Bờ (tên Nôm). Năm 1896, Pháp chuyển tỉnh lỵ từ Chợ Bờ về xã Hòa Bình, nên đổi tên tỉnh Chợ Bờ thành tỉnh Hòa Bình (tên Hán - Việt).

lang Triều Khúc, bánh đúc Đơ Bù để chỉ những sản vật của địa phương.

**Ảnh:** Nghị định ngày 6-12-1904 của Toàn quyền Đông Dương về đổi tên tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông



Nguồn: *Changement du nom de la province de Cau-do en celui de Ha-dong, 1904. Tài liệu tiếng Pháp, ký hiệu 68.151, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.*

Năm 1904, một số quan chức người Việt cho rằng, cần phải đặt cho tỉnh này một tên mới văn vẻ hơn bằng chữ Hán. Người ta thấy rằng, các tỉnh xung quanh thủ đô Hà Nội được đặt tên theo vị trí địa dư, hoặc gợi nên ý niệm hạnh phúc, thái bình, yên ổn như, tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hà Nam. Tỉnh Cầu Đơ ở phía Tây - Nam thủ đô Hà Nội, nếu đổi tên tỉnh theo vị trí địa dư thì sợ trùng với tỉnh Sơn Tây và tỉnh Hà Nam (Hoàng Trọng Phu 1933: 6). Do đó, phải đổi tên tỉnh Cầu Đơ theo ý niệm hạnh phúc, thái bình, yên ổn. Khi đó, Đốc học tỉnh Cầu Đơ

là thám hoa Vũ Phạm Hàm, đề xuất đổi tên tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông (Công ty Văn hóa trí tuệ Việt 2007: 10). Xét vị trí địa dư, tỉnh đáng được mang tên Hà Đông không phải là tỉnh Cầu Đơ, mà phải là tỉnh Hưng Yên. Vì tỉnh Hưng Yên nằm ở phía Đông của sông Hồng (Hà Đông), phía Đông của thành phố Hà Nội và kinh thành Thăng Long xưa<sup>5</sup>. Ngày 6-12-1904, Toàn quyền

<sup>5</sup> Vũ Phạm Hàm trích câu của hoàng đế Trung Quốc thời Chiến Quốc: "Hà Nội hung tác di kỳ dân ư Hà Đông, chuyển kỳ túc ư Hà Nội", nghĩa là, Hà Nội bị tai họa thì đưa dân về Hà Đông, chuyển thóc từ Hà Đông ra Hà Nội.



Đông Dương Paul Beau ra nghị định đổi tên tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông; đồng thời tên tỉnh lỵ là thị trấn Cầu Đơ được đổi thành thị trấn Hà Đông<sup>6</sup>. Ngày 6-12-1904 được lấy làm ngày kỷ niệm thành lập tỉnh Hà Đông.

## 5. Đôi nét về hành chính, kinh tế, xã hội tỉnh lỵ Cầu Đơ - Hà Đông

### 5.1. Hành chính

Theo Nghị định ngày 6-12-1904 của Toàn quyền Đông Dương, thị trấn Hà Đông chính thức được thành lập trên cơ sở tỉnh lỵ của tỉnh Cầu Đơ. Thị trấn Hà Đông là nơi đặt trụ sở chính quyền cấp tỉnh. Đó là Tòa Công sứ và các cơ quan hàng tỉnh. Đứng đầu là viên Công sứ người Pháp do Thống sứ Bắc Kỳ bổ nhiệm. Giúp việc cho Công sứ có Phó Công sứ, Chánh án tòa án đệ nhị, thư ký, quan kho bạc đều là người Pháp (Rouan 1925: 13). Công sứ đầu tiên của tỉnh Cầu Đơ là Richard Jules Luoiois (6/4/1899 - 3/1900). Công sứ đầu tiên của tỉnh Hà Đông là Duranton Jean Auguste (4/11/1903 - 26/7/1906) (Hoàng Trọng Phu 1933: 2).

Bên cạnh đó, chính quyền cấp tỉnh của người Việt đặt tại Dinh Tổng đốc (trên nền đất Thư viện Hà Nội - cơ sở 2 hiện nay). Đứng đầu là Tổng đốc do vua bổ nhiệm. Giúp việc cho Tổng đốc có Án sát coi việc tư pháp, Bố chính coi việc thuế khóa, Đề

đốc coi việc binh, Đốc học coi về giáo dục, v.v.. Tổng đốc đầu tiên của tỉnh Hà Đông là Hoàng Cao Khải (1904). Dưới cấp tỉnh là chính quyền cấp phủ, huyện, tổng, xã và làng (thôn) vẫn được duy trì như trước thời Pháp thuộc. Toàn bộ chính quyền người Việt thừa hành nhiệm vụ do chính quyền người Pháp giao cho.

Chính quyền tỉnh trực tiếp nắm và điều hành mọi hoạt động của chính quyền thị trấn/thị xã tỉnh lỵ. Thị trấn Cầu Đơ - Hà Đông được chia thành hai khu phố là Hà Văn (tả ngạn sông Nhuệ) và Hà Cầu (hữu ngạn sông Nhuệ). Mỗi khu phố có một Trưởng phố người Việt đứng đầu.

Để duy trì an ninh trật tự, chính quyền cấm người dân lập đảng phái chính trị và tự do hội họp. Mọi tư tưởng và hành động chống đối đều bị khủng bố, đàn áp. Từ năm 1904-1910, thực dân Pháp xây dựng Sở Cầm (Sở Cảnh sát), trại lính, trại giam. Năm 1917, Tòa án đệ nhị tỉnh Hà Đông được thành lập tại tỉnh lỵ Hà Đông.

Khi lập bộ máy cai trị ở Hà Đông, thực dân Pháp lựa chọn, bổ nhiệm những viên Công sứ người Pháp và quan lại người Việt vào loại "có tiếng" như, Công sứ Fourques được giới cầm quyền suy tôn vào loại "bậc thầy" vì có kinh nghiệm và "thấu hiểu người bản xứ", Công sứ Berít tiếp theo Fourques được liệt vào diện "tứ hung xứ Bắc Kỳ"<sup>7</sup>. Nổi bật trong giới quan lại người Việt là Tổng đốc Hoàng Trọng Phu cầm quyền ở Hà Đông 31 năm liên tục (1907-1938). Hoàng Trọng Phu là con Kinh lược xứ Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải, được đào tạo bài bản ở Pháp (Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Hà Đông 1990: 15).

### 5.2. Quy hoạch đô thị

Câu nói này cho thấy tầm quan trọng của Hà Đông đối với Hà Nội (kinh đô) ở Trung Quốc thời cổ đại. Từ đó, Vũ Phạm Hàm liên hệ vai trò quan trọng của tỉnh Cầu Đơ đối với thủ đô Hà Nội và đề xuất đổi tên tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông. Tên gọi Hà Đông không chính xác về vị trí địa dư, nhưng chính xác về vai trò của nó đối với thủ đô Hà Nội. Đề xuất của Vũ Phạm Hàm được chấp thuận (Hoàng Trọng Phu 1933: 6).

<sup>6</sup> Từ khi Pháp di dời Tòa sứ từ thành Hà Nội vào Cầu Đơ (Hà Đông), người dân thuộc phủ Hoài Đức mỗi khi có việc đến tỉnh lỵ thường nói là "vào Hà Đông"; ngược lại, người dân ở Hà Đông mỗi khi có việc đến thành phố Hà Nội thường nói là "ra Hà Nội".

<sup>7</sup> Đó là nhất Đác (Darle), nhì Ke (Erker), tam Be (De Lambe), tứ Bích (Berít).



Trong 10 năm đầu thiết lập tỉnh lỵ Cầu Đơ - Hà Đông (1896-1916), người Pháp nhanh chóng xây dựng nơi đây theo mô hình thu nhỏ của thành phố Hà Nội. Khi đó, thành phố Hà Nội đang được kiến thiết theo mô hình đô thị phương Tây. Cùng với Tòa Công sứ, Pháp cho xây dựng Dinh Tổng đốc, Sở Cẩm, Sở Lục lộ, Nhà Đốc học, Trại lính khố xanh, nâng cấp chợ Đơ (1904), xây dựng nhà máy nước, nhà máy điện, nhà ở của công chức Pháp, trường học nữ sinh, nhà thương, rạp chiếu phim, vườn hoa Cửa Cẩm (1910), nhà thờ Kito giáo (1914) (Rouan 1925: 17). Năm 1917 và 1918, Pháp xây bưu điện tỉnh, nhà hộ sinh cho người bản xứ, trường học sinh nam (Ban Chấp hành Đảng bộ quận Hà Đông 2014: 21), v.v.. Đình, chùa, miếu làng Đơ ở bờ sông Nhuệ đều bị di dời để lấy mặt bằng xây dựng Tòa Công sứ và Dinh Tổng đốc. Công sở và các công trình phúc lợi công cộng chiếm tới 3/4 diện tích tỉnh lỵ (Công ty Văn hóa trí tuệ Việt 2007: 33).

Trong các công trình hiện đại theo kiến trúc Pháp<sup>8</sup>, điển hình nhất là Tòa Công sứ. Đây là tòa nhà một tầng mái chày, có bậc thềm cao và tầng trệt, nằm ở vị trí giáp cầu bắc qua sông Nhuệ, quay lưng về phía bờ sông Nhuệ, nhìn về hướng Bưu điện Hà Đông (nay là nền trụ sở Ủy ban Nhân dân phường Yên Kiêu).

Về giao thông, năm 1896-1899, Pháp đắp lại và cho rải đá đường từ trung tâm thành phố Hà Nội vào trụ sở tỉnh Cầu Đơ (Quốc lộ 6), đắp lại đường từ Ba La đi Ứng Hòa (Quốc lộ 21B). Năm 1899, Pháp xây cầu sông Nhuệ (nay là cầu Hà Đông, hay còn gọi là Cầu Trắng) dài 37 thước, rộng 6

thước, có 2 trụ gạch ở hai bờ và 3 trụ gạch ở giữa, dầm cầu bằng sắt, mặt cầu bằng gỗ lim, thay cho cầu cũ toàn bộ bằng gỗ và lợp mái ngói (thượng gia hạ kiều). Năm 1916, cầu này được làm lại bằng bích long (bê tông). Năm 1900-1901, Pháp mở rộng và đổ đá đường từ Cầu Đơ đến Mai Lĩnh (Quốc lộ 6), đắp đường từ Cầu Đơ lên Thượng Cát và từ Cầu Đơ xuống Văn Điển (Quốc lộ 70). Pháp làm đường xe điện từ Bờ Hồ vào đến chân cầu Hà Đông (1911), sau đó vào đến chợ Trâu, xây cầu Mai Lĩnh bắc qua sông Đáy để kết nối với tỉnh Hòa Bình (1913) (Rouan 1925: 17).

Về quy hoạch đường phố, bờ tả sông Nhuệ là khu phố Hà Văn, có mấy dãy phố hai bên đường xe điện và hai bên đường 70 từ cầu sông Nhuệ đến cống - cầu ngăn nước (dân thường gọi là Cầu Đen). Bờ hữu sông Nhuệ là khu phố Hà Cầu gồm nhiều dãy phố, quan trọng nhất là phố Boulevard de la République (phố Cộng hòa)<sup>9</sup>. Đây là phố chính của tỉnh lỵ, thuộc Quốc lộ 6 tính từ cầu sông Nhuệ về phía Ba La khoảng 1km, là nơi đặt các công sở đầu não của tỉnh. Trong khoảng 500m đường phố tính từ cầu sông Nhuệ đi Ba La, bên tay phải lần lượt là Tòa Công sứ, Dinh Tổng đốc, Sở Cẩm, trại lính khố xanh, nhà thương. Đối diện bên tay trái lần lượt là Vườn hoa, Sở Lục lộ, Sở Địa chính, Sở Khuyến nông, Kho bạc. Bên tay trái của đoạn phố này là nơi bắt đầu của các phố đi về phía Nam gồm, phố Nguyễn Trãi, Gia Long (nay là phố Bà Triệu), Jules Ferry (nay là phố Trung Nhị), Nguyễn Hữu Độ (nay là phố Lê Lợi). Song song bên tay trái đường Cộng hòa là các phố giáp với chợ Hà Đông như, phố Bruxelles (nay là phố Hoàng

<sup>8</sup> Đầu năm 1947, nhân dân Hà Đông tiêu thổ kháng chiến hầu hết các công trình do Pháp xây dựng như, Tòa Công sứ, Dinh Tổng đốc, cầu Hà Đông, v.v.. Hiện nay, ở Hà Đông chỉ còn lại một số công trình do Pháp xây dựng như, Nhà thờ Hà Đông, trụ sở Ủy ban Nhân dân thị xã Hà Đông (nay là trụ sở Ủy ban Nhân dân phường Nguyễn Trãi), v.v..

<sup>9</sup> Tuy nhiên, người dân tự gọi là phố Cửa Dinh, Bóp Kèn và Bông Đò (nay là đường Quang Trung). Gọi là phố Cửa Dinh vì có Dinh Công sứ, Dinh Tổng đốc. Gọi là phố Bóp Kèn vì có nhà lính tập kèn đồng. Gọi là phố Bông Đò hay Hoa Đò vì nơi đây có nhiều cây gạo nở hoa màu đỏ; có ý kiến cho rằng nơi đây là phố cổ đầu, từ màu sơn phấn, quần áo của đào hát mà người ta gọi thế.

Hoa Thám), Du Villier (nay là phố Trần Hưng Đạo) (Ban Chấp hành Đảng bộ quận Hà Đông 2014: 22). Nhìn chung, các đường phố dọc ngang theo ô bàn cờ, theo mô hình khu phố Tây của thành phố Hà Nội.

### 5.3. Kinh tế

Chính quyền khuyến khích kinh tế tư bản phát triển thông qua các hoạt động công thương nghiệp và dịch vụ, đẩy mạnh khai thác bóc lột, nhất là thu các loại thuế. Từ năm 1913 đến năm 1917, chính quyền tiến hành trắc đạc ruộng đất theo Nghị định ngày 23-9-1913 của Toàn quyền Đông Dương, sau đó thiết lập địa bạ từng loại đất để đánh thuế. Nhờ vai trò tỉnh lý, giao thông thuận tiện, nhất là tiếp giáp với thành phố Hà Nội, hoạt động thương mại ở Hà Đông rất sôi động. Ngoài buôn bán trâu, bò, lợn, gà, v.v. ở bờ hữu sông Nhuệ (chợ Trâu), Tòa Công sứ cho xây dựng chợ Hà Đông là chợ đầu mối lớn nhất của cả tỉnh, chủ yếu là bán buôn. Thương nhân trong tỉnh và các tỉnh lân cận đem trâu, bò, lợn, gà, thóc, gạo, tơ lụa và nhiều nông sản khác cùng các nông cụ, đồ dùng gia đình buôn bán ở tỉnh lý Hà Đông. Hoạt động sản xuất kinh doanh cũng diễn ra sôi động ở các phố lớn như, phố Nguyễn Hữu Độ, Trung Nhị, Gia Long (Thị ủy Hà Đông - tỉnh Hà Tây 2004: 10). Họ làm hàng thủ công, buôn bán hàng hoá, mở hiệu may, chụp ảnh, v.v.. Đường tàu điện Bờ Hồ - Hà Đông cùng Quốc lộ 6, 21B và 70 không chỉ là huyết mạch giao thông mà còn đem lại kinh tế dịch vụ cho Hà Đông.

### 5.4. Xã hội

Khi mới thành lập, tỉnh lý Cầu Đơ - Hà Đông có khoảng 1.000 người, trong đó có 36 suất đình. Hầu hết cư dân là những người đến từ các làng lân cận như, Mộ Lao, Văn Quán, Cầu Đơ và một số làng khác trong tỉnh (Rouan 1925: 12). Họ làm nghề buôn

bán, thủ công và dịch vụ. Một số người được bổ nhiệm làm việc cho chính quyền thực dân. Bên cạnh người Việt, có một số người Pháp, họ là quan chức và gia đình quan chức làm việc sở tại. Dựa vào hoạt động kinh tế, đời sống xã hội và địa vị chính trị, có thể chia thị dân thành ba khối gồm: khối quan chức và gia đình người Pháp, khối quan chức và gia đình người Việt, khối thị dân người Việt kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ. Nhìn chung, thị dân Cầu Đơ - Hà Đông có đời sống kinh tế, xã hội ngày càng khác biệt so với đời sống nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các làng liên kề. Những nhà giàu, nhà có thế lực ở trong tỉnh cho con em ra tỉnh lý học tập. Đồng thời, một số nhà giàu hoặc có thế lực ở tỉnh lý cho con em ra thành phố Hà Nội, hoặc sang Pháp học tập. Điều này làm cho văn hóa vùng Cầu Đơ - Hà Đông vừa lan tỏa vừa hội tụ.

### 5.5. Về văn hóa

Chính quyền thực dân truyền bá tư tưởng tư sản "Pháp - Việt đề huề", nhấn mạnh công lao khai hóa văn minh của Pháp đối với Việt Nam. Từ năm 1919, giáo dục và thi cử Nho học phải chấm dứt, chữ Hán, chữ Nôm không được dùng trong văn bản hành chính và giáo dục; đồng thời chữ Quốc ngữ được phổ biến bên cạnh chữ Pháp. Sau phong trào Đông du (1905-1908), chính quyền mở trường học cho học sinh nữ, trường học cho học sinh nam. Năm 1921, Trường Thư ký tỉnh được thành lập để đào tạo các chức danh thư ký, thủ quỹ, hộ lại, chương bạ cho các làng trong tỉnh. Ngoài kiến thức chuyên môn, học viên được học tiếng Pháp để có thể giao dịch trực tiếp với người Pháp (Công ty Văn hóa trí tuệ Việt 2007: 29). Cư dân người Việt có lối sống thuần phong mỹ tục truyền thống vùng đồng bằng sông Hồng, nhưng bên cạnh đó vẫn có

một bộ phận duy trì hủ tục và tệ nạn xã hội như gia trưởng, trọng nam khinh nữ, đa thê, tảo hôn, mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè, trai gái, thuốc phiện. Cuối tỉnh lỵ Hà Đông có phố cô đầu gần trại lính, dân gian thường gọi là phố Bông Đỏ. Bên cạnh lối sống của người Việt, quan chức và gia đình người Pháp ở tỉnh lỵ Cầu Đơ - Hà Đông có lối sống riêng, khác biệt với người Việt từ đồ ăn, uống, mặc, nhà ở, phương tiện đi lại, sinh hoạt tôn giáo, v.v.. Tuy nhiên, sự cư trú của người Pháp và tác động của các cơ quan hành chính, giáo dục theo mô hình phương Tây đã làm chuyển biến văn hoá, lối sống trong một bộ phận cư dân người Việt, trước hết là gia đình quan chức, hoặc gia đình kinh doanh giàu có.

### 5.6. Vị trí, vai trò của tỉnh lỵ Cầu Đơ - Hà Đông

Trong khoảng 20 năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (1896-1916), vùng đất Cầu Đơ - Hà Đông từ làng quê trở thành đô thị tỉnh lỵ của một tỉnh quan trọng nhất Bắc Kỳ. Nơi đây được người Pháp từng bước thiết lập bộ máy hành chính cấp tỉnh và cấp thị trấn/thị xã; đồng thời duy trì an ninh chính trị nhằm phục vụ cho sự cai trị trong toàn tỉnh. Chính quyền thực dân đánh giá cao vai trò của tỉnh lỵ Hà Đông nói riêng và toàn tỉnh Hà Đông nói chung đối với an ninh chính trị Bắc Kỳ. Trong một bản tường trình của Bose - Công sứ Hà Đông (8/8/1908 - 13/5/1910) khẳng định: "Do điều kiện địa dư, do mật độ dân số trong đó có nhiều sĩ phu sống và hoạt động, do sự tiếp giáp với Hà Nội là thành phố bị đất đai Hà Đông bao quanh, cho nên tỉnh Hà Đông là một trong những tỉnh ở Bắc Kỳ mà những biến cố về chính trị gây được ảnh hưởng và tiếng vang nhiều nhất. Nếu như cần có một máy ghi để đo sức mạnh tinh thần của người An Nam và những thay đổi về trạng thái tư tưởng của

dân chúng, thì chính Hà Đông là nơi cần phải đặt thứ máy đó, là vì những chấn động của nó làm lay chuyển hình thái xã hội được thể hiện một cách mạnh mẽ nhất, trung thực nhất" (Hoàng Trọng Phu 1933: 8).

Vị thế tỉnh lỵ giúp kinh tế, văn hóa, xã hội vùng Cầu Đơ - Hà Đông chuyển dần từ tính chất phong kiến sang tính chất thuộc địa nửa phong kiến nhanh hơn các vùng khác trong tỉnh. Đây là nơi đầu tiên trong tỉnh tiếp xúc với kinh tế, văn hoá thực dân, trên cơ sở đó từng bước hình thành quan hệ kinh tế tư bản và văn hoá phương Tây. Phần đất làng Cầu Đơ dọc hai bờ sông Nhuệ trở thành đô thị đã tác động nhiều mặt tới các làng xã xung quanh. Vùng đất này gắn bó mật thiết và toàn diện hơn nữa với thành phố Hà Nội, nhất là từ khi tuyến xe điện Bờ Hồ - Hà Đông đi vào hoạt động (1911).

Đối với nhân dân, sự ra đời và phát triển của tỉnh lỵ Cầu Đơ - Hà Đông đã hình thành khối thị dân mới ở giữa vùng làng quê nông nghiệp truyền thống. Những người làm việc và sinh sống ở khu vực này thoát ly sản xuất nông nghiệp. Chính họ là những người Việt Nam đầu tiên ở địa phương tiếp xúc và giao lưu với văn hóa phương Tây; đồng thời lan tỏa văn hóa đó tới các vùng lân cận.

Trong các thị trấn tỉnh lỵ vùng đồng bằng sông Hồng, thị trấn Hà Đông phát triển nhất. Sự phát triển là do Hà Đông tự vận động, nhưng mặt khác nhờ kết nối gần gũi, chặt chẽ, lâu đời và toàn diện với thành phố Hà Nội. Ngày 12-12-1923, Toàn quyền Đông Dương Marital Henri Merlin ra nghị định nâng cấp thị trấn Hà Đông lên thị xã Hà Đông. Hội đồng thị xã được thành lập, đứng đầu là Chủ tịch người Việt<sup>10</sup>. Thị xã Hà Đông có hai khu phố là Đông Cầu (Hà Văn) và Hà Cầu. Mỗi khu phố đều có Trưởng phố

<sup>10</sup> Nghiêm Duy Ninh, nguyên là Tri phủ Ứng Hòa về hưu được bổ nhiệm làm Chủ tịch đầu tiên của thị xã Hà Đông (1923).

phụ trách và do Hội đồng thị xã điều hành (Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hà Đông 1990: 12). Từ đây, chính quyền cấp tỉnh không trực tiếp điều hành mọi hoạt động của các khu phố tỉnh lỵ.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thị xã Hà Đông được mở rộng địa giới hành chính, sáp nhập 9 làng xung quanh, gồm Vạn Phúc, Mộ Lao, La Khê, Phùng Khoang của huyện Hoài Đức; Văn Quán, Hà Trì, Cầu Đơ, Văn Phú, Văn La của huyện Thanh Oai làm khu ngoại thị (1946). Toà Công sứ trở thành trụ sở Ủy ban Hành chính tỉnh Hà Đông<sup>11</sup>. Đầu năm 1947, thực hiện tiêu thổ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quân dân Hà Đông đã phá huỷ Toà Công sứ, Dinh Tổng đốc, Cầu Hà Đông, v.v.. Khi thực dân Pháp tái chiếm thị xã Hà Đông, để có trụ sở làm việc, Pháp cho xây dựng Dinh Tỉnh trưởng Hà Đông (1947-1948)<sup>12</sup>, nay là toà nhà số 2 phố Bà Triệu, phường Nguyễn Trãi. Sau năm 1954, chính quyền tỉnh Hà Đông xây dựng trụ sở tỉnh tại bờ tả sông Nhuệ, thuộc khu phố Hà Văn (cũ), nay thuộc đường Trần Phú và đường Phùng Hưng. Dinh Tỉnh trưởng (cũ) trở thành trụ sở thị xã Hà Đông.

Năm 1965, Quốc hội hợp nhất tỉnh Hà Đông và tỉnh Sơn Tây thành tỉnh Hà Tây, lấy thị xã Hà Đông làm tỉnh lỵ. Năm 1975, Quốc hội hợp nhất tỉnh Hà Tây và tỉnh Hòa Bình thành tỉnh Hà Sơn Bình, lấy thị xã Hà

Đông làm tỉnh lỵ. Năm 1991, Quốc hội chia tách tỉnh Hà Sơn Bình thành tỉnh Hà Tây và tỉnh Hòa Bình, lấy thị xã Hà Đông làm tỉnh lỵ của tỉnh Hà Tây.

Sau nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính, đến năm 2006, thị xã Hà Đông có diện tích hơn 47km<sup>2</sup> và dân số 179.302 người (Phòng Thống kê thành phố Hà Đông 2007: 9). Nhờ đẩy mạnh đô thị hóa, ngày 27-12-2006, Chính phủ nâng cấp thị xã Hà Đông lên thành phố Hà Đông trực thuộc tỉnh Hà Tây. Ngày 29-5-2008, Quốc hội sáp nhập tỉnh Hà Tây và một số địa phương khác vào thành phố Hà Nội, từ đây Hà Đông mất vai trò tỉnh lỵ. Ngày 8-5-2009, Chính phủ thành lập quận Hà Đông trên cơ sở toàn bộ diện tích đất tự nhiên và dân cư hiện có của thành phố Hà Đông. Hà Đông từ tỉnh lỵ trở thành quận nội thành của Thủ đô.

Sau khi thành lập quận, trụ sở quận Hà Đông được di dời ra phố Hà Cầu, phường Hà Cầu. Dinh Tỉnh trưởng (cũ) trở thành trụ sở Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Trãi.

## 6. Kết luận

Năm 1831, nhà Nguyễn thành lập tỉnh Hà Nội, gồm 4 phủ, 15 huyện, lấy thành Thăng Long xưa làm tỉnh thành, lấy huyện Thọ Xương và huyện Vĩnh Thuận làm tỉnh lỵ. Tỉnh Hà Nội có vai trò đặc biệt quan trọng không chỉ đối với Bắc Kỳ mà còn đối với toàn bộ Việt Nam, thậm chí toàn Đông Dương. Chính vì thế, năm 1888, người Pháp đã tách huyện Thọ Xương và một phần huyện Vĩnh Thuận của tỉnh Hà Nội để lập thành phố Hà Nội, làm thủ phủ của Liên bang Đông Dương. Cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, với chính sách chia để trị, người Pháp đã tách - nhập nhiều phủ, huyện để thành lập các đơn vị hành chính mới, đồng thời di dời và thiết lập trụ sở Tòa Công sứ

<sup>11</sup> Theo lời kể của cụ Nguyễn Văn Thảo, sinh năm 1920, lão thành cách mạng, từng là Bí thư Công nhân cứu quốc thị xã Hà Đông sau Cách mạng tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần gặp và dùng cơm với các đồng chí lãnh đạo tỉnh Hà Đông thời ấy tại toà dinh thự này (Công ty Văn hoá trí tuệ Việt 2007: 10).

<sup>12</sup> Theo lời kể của cụ Đinh Thế Cư, lão thành cách mạng, sinh năm 1934, quê làng Cự Đà, huyện Thanh Oai, sống tại Hà Đông từ năm 1945, tham gia tiếp quản thị xã Hà Đông khi Pháp rút (6-10-1954), hiện đang sống tại số nhà 50, tổ dân phố Cầu Đơ 3, phường Hà Cầu, quận Hà Đông (Tác giả bài viết phỏng vấn trực tiếp cụ Cư ngày 23-9-2023).

của nhiều tỉnh, trong đó có tỉnh Hà Nội. Sau khi thành phố Hà Nội được thành lập, yêu cầu đặt ra là di dời Tòa Công sứ tỉnh Hà Nội ra khỏi thành Hà Nội. Việc di dời càng trở nên cấp thiết khi dự định đặt Toà Công sứ ở Phủ Lý không thành. Sau 8 năm (1888-1896) xem xét cẩn trọng, vượt qua thông lệ, người Pháp chọn làng Cầu Đơ thuộc huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hòa để đặt trụ sở tỉnh Hà Nội. Đây không chỉ là sự lựa chọn chủ quan của Toàn quyền Đông Dương năm 1896, mà là sự lựa chọn mang tính lịch sử, khách quan và trung thực.

Sau khi được chọn làm tỉnh lỵ, vùng Cầu Đơ từng bước có diện mạo kiến trúc, cảnh quan đô thị và các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội biến đổi theo mô hình đô thị phương Tây. Điều này càng khẳng định việc đặt Tòa Công sứ ở Cầu Đơ là phù hợp và sáng tạo. Việc đổi tên tỉnh Hà Nội thành tỉnh Cầu Đơ không theo lệ thường của nhà Nguyễn, nhưng phù hợp với thực tiễn lịch sử, địa lý và suy nghĩ của người Pháp. Việc đổi tên tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông cho thấy lớp công chức người Việt đầu tiên làm việc cho Pháp vẫn còn chịu ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo rất sâu đậm. Nhìn lại 112 năm (1896-2008) hình thành và phát triển của tỉnh lỵ Cầu Đơ - Hà Đông, chúng ta thấy, dù tên gọi và địa giới hành chính có thay đổi như thế nào, thì nơi đây luôn giữ vai trò là tỉnh lỵ, đáp ứng được yêu cầu chính quyền đặt ra là quản lý hành chính để ổn định tình hình trị an trong toàn tỉnh, hỗ trợ cho thành phố Hà Nội làm tốt vai trò là thủ đô của Liên bang Đông Dương; đồng thời đem lại những biến đổi toàn diện, sâu sắc trong đời sống nhân dân địa phương theo hướng đô thị thuộc địa kiểu phương Tây. Sự tương tác với các khu vực liên kề, đặc biệt là thành phố Hà Nội, càng làm cho vùng Cầu Đơ - Hà Đông trở thành một trong những vệ tinh quan trọng nhất của Thủ đô; đồng thời là một trong những tỉnh lỵ phát triển nhất

của Việt Nam thời cận - hiện đại. Sự phát triển đó làm cho kinh tế, xã hội vùng Cầu Đơ - Hà Đông tiệm cận khu vực nội thành Thủ đô. Việc thành lập quận là bước tiến nhảy vọt của đô thị Hà Đông, chuyển từ đô thị loại III thành một phần của đô thị đặc biệt. Trong lịch sử đô thị Việt Nam hiện đại, đây là trường hợp duy nhất từ thành phố tỉnh lỵ trở thành một quận của Thủ đô. Vùng Cầu Đơ - Hà Đông đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của một tỉnh lỵ "cửa ngõ Thủ đô".

### Tài liệu trích dẫn

- Ban Chấp hành Đảng bộ quận Hà Đông. 2014. *Lịch sử Đảng bộ quận Hà Đông (1926-2010)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.
- Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Hà Đông. 1990. *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị xã Hà Đông, tập 1, 1936-1954, Sơ thảo*. Hà Nội: Nhà máy in Tiến bộ.
- Ban Thường vụ huyện ủy Chương Mỹ. 2003. *Chương Mỹ xưa và nay*. Hà Tây: Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây.
- Công ty Văn hóa trí tuệ Việt. 2007. *Hà Đông thành phố trẻ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
- Đình Xuân Lâm và cộng sự. 1998. *Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập II*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Hoàng Trọng Phu. 1933. *Nhận xét về tỉnh Hà Đông*, Lê Gia Hội dịch từ tiếng Pháp năm 1975. Hà Tây: Thư viện tỉnh Hà Tây.
- Le Gouverneur général de l'Indo-Chine. 1896. *Arrêté transférant le siège de la Résidence de province de Hanoi de la ville de Hanoi à Cau-do, Fonds de la Résidence de Hadong, Etablissement et élargissement du centre administratif de Cau-do (Hadong) de 1890-1913 (Toàn quyền Đông Dương. 1896. Nghị định chuyển tỉnh lỵ Hà Nội vào vùng đất làng Cầu Đơ, Phòng Toà sứ Hà Đông, Thành lập và mở rộng trung tâm hành chính tỉnh Cầu Đơ (Hà Đông) từ năm 1890 đến năm 1913)*. Tài liệu tiếng Pháp, số hồ sơ 4666. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.

- Le Gouverneur général de l'Indo-Chine. 1902. *Arrêté désignant la province de Hanoi sous le nom de Cau-do*, Fonds de la Résidence de Hadong, Etablissement et élargissement du centre administratif de Caudo (Hadong) de 1890-1913 (Toàn quyền Đông Dương. 1902. *Nghị định đổi tên tỉnh Hà Nội thành tỉnh Cầu Đơ*), Phòng Toà sứ Hà Đông, Thành lập và mở rộng trung tâm hành chính tỉnh Cầu Đơ (Hà Đông) từ năm 1890 đến năm 1913). Tài liệu tiếng Pháp, số hồ sơ 4666. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.
- Le Gouverneur général de l'Indo-Chine. 1904. *Arrêté désignant la province de Cau-do sous le nom de Ha-dong* (Toàn quyền Đông Dương. 1904. *Nghị định đổi tên tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông*). Tài liệu tiếng Pháp, ký hiệu 68.151. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.
- Rouan. J. 1925. *Hà Đông tỉnh địa dư chí*. Hà Nội: Nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn.
- Phòng Thống kê thành phố Hà Đông. 2007. *Niên giám thống kê thành phố Hà Đông 2002-2006*. Hà Đông.
- Phòng Thống kê thị xã Hà Đông. 1995. *Niên giám thống kê tình hình phát triển kinh tế văn hóa xã hội 1990-1994 thị xã Hà Đông tỉnh Hà Tây*. Hà Đông.
- Quận ủy Hà Đông. 2020. *Địa chí Hà Đông*, Dự thảo. Hà Đông: Ban Tuyên giáo Quận ủy Hà Đông.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 1976. *Đại Nam thực lục chính biên*, bản dịch của Viện Sử học, Tập 34. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2012. *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch mới của Hoàng Văn Lâu, in lần thứ nhất, Tập 2. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2022. *Đại Nam thực lục*, bản dịch của Viện Sử học, tái bản lần thứ 2, Tập 3. Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.
- Thị ủy Hà Đông - tỉnh Hà Tây. 2004. *Lịch sử Đảng bộ thị xã Hà Đông 1936-1954, Tập 1*. Hà Nội: Công ty Khuyến học Hà Nội.
- Trần Hùng, Nguyễn Quốc Thông. 2004. *Thăng Long - Hà Nội mười thế kỷ đô thị hoá*, tái bản có bổ sung. Hà Nội: Nhà xuất bản Xây dựng.
- Võ Kim Cương chủ biên. 2017. *Lịch sử Việt Nam, Tập 6 từ năm 1858 đến năm 1896*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Vũ Văn Quân. 2007. *Thăng Long - Hà Nội một nghìn sự kiện lịch sử*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.